

Số: 65/2023/QĐCNSTT-DS

Thanh Trì, ngày 05 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC Đ- ONG SỰ

Căn cứ vào Điều 27; Điều 35, Điều 39, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 13 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 41/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải và biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)

Trụ sở: Tầng 1, 2, Tòa nhà SailingTower- 111A Pasteus, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C; Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ. Giấy ủy quyền số 107083.22 ký ngày 03/10/2022 của TGD Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

Đại diện ủy quyền lại: Ông Phạm Việt H; Chức vụ: Cán bộ ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Theo giấy ủy quyền số 026839.23 ngày 21/3/2023 của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

+Bị đơn: 1-Ông Nguyễn Quang H1- sinh năm 1978

2-Bà Trần Thị Thu T- sinh năm 1977

Nơi cư trú: Cụm 5 I, xã V, huyện T, Hà Nội.

Bà Trần Thị Thu T ủy quyền cho ông Nguyễn Quang H1 làm đại diện ủy quyền. Theo văn bản ủy quyền số công chứng: 5978, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/6/2023 tại Văn phòng công chứng Vũ Tiến Trí, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1-Cháu Nguyễn Quang P- sinh ngày 11/11/2008

2-Cháu Nguyễn Ngọc T- sinh ngày 10/9/2017

Cùng trú tại: Cụm 5 I, xã V, huyện T, Hà Nội.

Cháu Nguyễn Quang P, cháu Nguyễn Ngọc T do ông Nguyễn Quang H1 là bố đẻ làm đại diện hợp pháp.

Nội dung các đ- ơng sự thoả thuận:

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam do ông Phạm Việt H làm đại diện; Bị đơn ông Nguyễn Quang H1, bà Trần Thị Thu T (bà T ủy quyền cho ông Nguyễn Quang H1 làm đại diện) thống nhất xác nhận nợ như sau: Tạm tính đến ngày 28/6/2023, ông Nguyễn Quang H1, bà Trần Thị Thu T còn nợ VIB tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.803.037.016 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.609.325.956 đồng; Nợ lãi trong hạn: 92.375.778 đồng; Lãi quá hạn: 101.335.282 đồng). Của các Hợp đồng tín dụng số 4998995.21 ngày 28/5/2021 ; Hợp đồng tín dụng số 7634372.21 ngày 28/5/2021 ; Hợp đồng tín dụng số 9480322.22 ngày 28/01/2022 và Đơn đề

ngợi giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9480322 (1). 22, Ngày 28/01/2022 ; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9480322 (2), 22 Ngày 31/3/2022 ; Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 09/11/2021; Chủ thẻ : ông Nguyễn Quang H1; số tài khoản thẻ tín dụng 000000000459087;

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, ông Nguyễn Quang H1 thống nhất lộ trình trả nợ như sau:

Chậm nhất đến ngày 30/9/2023 ông Nguyễn Quang H1, bà Trần Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại chưa thanh toán là: 1.803.037.016 đồng (Một tỷ, tám trăm linh ba triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm mười sáu đồng). (Trong đó : Nợ gốc : 1.609.325.956 đồng ; Nợ lãi trong hạn: 92.375.778 đồng; Lãi quá hạn: 101.335.282 đồng), của các Hợp đồng tín dụng số 4998995.21 ngày 28/5/2021 ; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4998995 (1).21 ngày 31/5/2021, Hợp đồng tín dụng số 7634372.21 ngày 28/5/2021 ; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7634372(1).21 ngày 31/5/2021, Hợp đồng tín dụng số 9480322.22 ngày 28/01/2022, và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9480322 (1). 22, ngày 28/01/2022 ; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9480322 (2). 22 ngày 31/3/2022; Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 09/11/2021;

Kể từ ngày 29/6/2023 ông H1, bà T tiếp tục phải chịu lãi suất cho đến khi ông H1, bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký giữa hai bên.

Trong trường hợp ông H1, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VIB, đề nghị Tòa án tuyên VIB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay cho VIB.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 52, tờ bản đồ số 42, địa chỉ tại xã V, huyện T, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S140296, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00351/QSDĐ/1763-H do UBND huyện T, Hà Nội cấp ngày

03/12/2003 cho ông Nguyễn Quang V, ngày 23/11/2012 phòng tài nguyên và môi trường huyện T xác nhận thừa kế cho ông Nguyễn Quang H1, theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 4079/2012/TTPC được phòng công chứng số 6 Hà Nội chứng thực ngày 19/10/2012, tài sản này được thế chấp tại VIB theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1872/2021, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do văn phòng công chứng Trần Hằng, thành phố Hà Nội công chứng ngày 29/7/2021. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của ông H1, bà T đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho VIB. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với VIB, trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho VIB.

III-Về án phí : Do các bên đương sự hòa giải thành với nhau nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Quang H1, bà Trần Thị Thu T có hoàn cảnh khó khăn, có đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Quang H1, bà Trần Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 16.522.777đồng (Mười sáu triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam được nhận lại 31.000.000đồng (Ba mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0063546 ngày 28/4/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Trì;
- Các đồng sự;
- Lưu HS;

Nguyễn Thị Kim Liên